

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2018/DS-PT

Ngày: 22-10-2018

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Đồng.

Các Thẩm phán: Bà Võ Thị Hồng Mai; ông Nguyễn Quốc Tuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh: Ông Trương Thái Hồng, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2018, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 170/2018/QĐ-PT ngày 25 tháng 9 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị M, sinh năm 1966; cư trú tại: Ấp H, xã V, huyện B, tỉnh Tây Ninh; yêu cầu xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Độc T, sinh năm 1978; chị Trần Thị Yến T1, sinh năm 1981, cùng cư trú tại: Khu phố M, Phường H1, thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1969, cư trú tại: Ấp B1, xã B2, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, theo Giấy ủy quyền ngày 28 tháng 4 năm 2018; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Huỳnh Thị M trình bày:

Bà có cho vợ chồng anh Nguyễn Độc T và chị Trần Thị Yến T1 vay số tiền, cụ thể như sau:

Ngày 07-7-2016, cho vay 1.300.000.000 đồng, có thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS00943 ngày 07-5-2015. Số tiền vay này đã trả xong và bà đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Ngày 18-8-2016, cho vay 500.000.000 đồng, có viết giấy nợ, không thế chấp tài sản, thời hạn trả nợ là 12 ngày nhưng đến nay chưa trả cũng không trả tiền lãi.

Theo đơn khởi kiện ngày 23-3-2018 bà yêu cầu trả 1.800.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật, sau đó bà thay đổi yêu cầu, chỉ kiện đòi 500.000.000 đồng, không yêu cầu trả lãi.

Bị đơn - anh Nguyễn Độc T, chị Trần Thị Yến T1, do ông Nguyễn Hữu L đại diện trình bày:

Số tiền vay 1.300.000.000 đồng, anh T và chị T1 đã trả cho bà M, bà M đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Còn nợ 500.000.000 đồng, chấp nhận trả theo yêu cầu của bà M.

Về tiền lãi của số tiền 500.000.000 đồng anh T, chị T1 có trả, yêu cầu Tòa án xem xét.

Bản án Dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh, quyết định:

Áp dụng Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà M đối với anh T, chị T1.

Buộc anh T, chị T1 phải trả cho bà M 500.000.000 tiền vay gốc, ghi nhận bà M không yêu cầu trả tiền lãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền, nghĩa vụ của đương sự theo Luật Thi hành án dân sự.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, ông Nguyễn Hữu L đại diện cho anh T, chị T1 kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tính lại số tiền lãi đã trả cho bà M.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, chị T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Nguyên đơn bà Huỳnh Thị M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà M.

[2] Anh Nguyễn Độc T và chị Trần Thị Yến T1 thừa nhận còn nợ bà M số tiền 500.000.000 đồng đã vay vào ngày 18-8-2016. Do anh T, chị T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà M kiện đòi là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ông Nguyễn Hữu L cho rằng anh T, chị T1 đã trả lãi nhiều lần nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, bà M không thừa nhận. Giấy mượn tiền ghi ngày 18-8-2016 không thể hiện lãi suất. Vì vậy việc ông L khai có trả lãi là không có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh T, chị T1 trả cho bà M 500.000.000 đồng tiền vay gốc và ghi nhận bà M không yêu cầu trả lãi là có căn cứ, đúng pháp luật, kháng cáo của anh T, chị T1 không có căn cứ chấp nhận.

[3] Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh T, chị T1; giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Tuy nhiên, bà M khởi kiện số tiền 1.800.000.000 đồng, trong đó có 1.300.000.000 đồng vay có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sau đó bà M và anh T, chị T1 thống nhất đã trả xong số tiền 1.300.000.000 đồng và đã trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bản án sơ thẩm không ghi nhận vấn đề này là thiếu sót cần phải rút kinh nghiệm. Việc thiếu sót này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án, không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự nên không cần thiết phải sửa bản án sơ thẩm mà Tòa án cấp phúc thẩm chỉ bổ sung cho đầy đủ.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh T, chị T1 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 26, khoản Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Độc T và chị Trần Thị Yến T1.

2. Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 68/2018/DS-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018, của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị M đối với anh Nguyễn Độc T và chị Trần Thị Yến T1 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2.2. Buộc anh Nguyễn Độc T và chị Trần Thị Yến T1 phải trả cho bà Huỳnh Thị M số tiền vay gốc là 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng. Ghi nhận bà Huỳnh Thị M không yêu cầu trả lãi.

2.3. Ghi nhận số tiền vay 1.300.000.000 đồng vào ngày 07-7-2016, bà Huỳnh Thị M xác định anh Nguyễn Độc T và chị Trần Thị Yến T1 đã trả xong. Anh T, chị T1 xác định bà M đã trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CS00943 ngày 07-5-2015.

2.4. Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh T, chị T1 chưa trả đủ số tiền như đã nêu trên thì hàng tháng anh T, chị T1 còn phải trả cho bà M tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2.5. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Độc T và chị Trần Thị Yến T1 phải chịu 24.000.000 (hai mươi bốn triệu) đồng.

- Bà Huỳnh Thị M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị M 33.000.000 (ba mươi ba triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0005194 ngày 27-3-2018, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

3. Về án phí phúc thẩm:

Anh Nguyễn Độc T, chị Trần Thị Yến T1 phải chịu 300.000 đồng, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0005891 ngày 08-8-2018, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều: 6, 7, 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND tp. T;
- Chi cục THADS tp. T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Đặng Thị Đồng